

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2023
(V/v: Tranh chấp yêu cầu xin
ly hôn và nuôi con chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đặng Văn Chiêu

2/. Bà Võ TuyếtK

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm côngKí vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 109/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị VTKM, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp H 2B, xã VT, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh NĐK, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp H 2B, xã VT, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị M có đơn xin vắng mặt, anhK vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2023, bản tựKí và các biên bản lấy lờiKí trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị VTKM trình bày: Vào năm 2009, được sự đồng ý của hai bên gia đình nên có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương cho chị và anhK nên vợ thành chồng, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó chị và anhK có đi đăng

ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VT, huyện PL cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn để nay chị yêu cầu xin ly hôn với anhK là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc như trước. AnhK có người phụ nữ khác ở bên ngoài, chị đã từng bắt gặp anhK với người phụ nữ đó và chị cũng đã từng tha thứ để tạo cơ hội cho anhK quay về với vợ con nhưng anhK không chịu thay đổi, vẫn tính nết tạt nẩy ngày càng lạnh nhạt với chị, không quan tâm đến vợ con, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Từ đó, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau nữa, hiện tại chị không còn tình cảm gì với anhK nữa nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh NĐK.

Về con chung trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anhK chung sống với nhau có 02 người con chung tên NTV, sinh ngày 21/4/2010 và NNY, sinh ngày 27/6/2019. Hiện tại cả 02 cháuV vàY đang sống cùng với chị M. Nay ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anhK phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung chị M xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ ai nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bị đơn anh NĐK trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh thừa nhận lời trình bày của chị M là đúng. Trong thời gian chung sống vợ chồng, giữa anh và chị M phát sinh một số mâu thuẫn nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống gia đình. Nay xét thấy anh còn tình cảm với chị M và còn thương vợ, thương con nên anh mong muốn được hàn gắn đoàn tụ chung sống ở lại với chị M để lo cho các con của anh nên người, nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị VTKM.

Về con chung anhK xác định: Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị M ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 người con chung tên NTV, sinh ngày 21/4/2010 và NNY, sinh ngày 27/6/2019 và anh không yêu cầu chị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung thì anh thống nhất như lời chị M trình bày nên khi ly hôn anh không có ý kiến gì khác và cũng không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị VTKM là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh NĐK chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị VTKM và anh NĐK kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh K nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Từ khi chị M và anh K sống ly thân với nhau cho đến nay thì chị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu NTV, sinh ngày 21/4/2010 và NNY, sinh ngày 27/6/2019. Mặc khác, qua tiếp xúc với cháu V thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với chị M khi chị M và anh K ly hôn với nhau. Do đó, để không làm sáo trộn cuộc sống của con nhỏ, làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con trẻ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 cháu NTV, sinh ngày 21/4/2010 và NNY, sinh ngày 27/6/2019 cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Căn cứ vào các khoản 2 Điều 82, 110 của Luật hôn nhân và gia đình buộc anh NĐK phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 cháu NTV, sinh ngày 21/4/2010 và NNY, sinh ngày 27/6/2019 mỗi tháng 745.000 đồng/tháng/người cho đến khi cháu V và Y tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị M và anh K không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị VTKM có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh NĐK, anh K có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị VTKM có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị M.

Anh NĐK đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh K vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2] Về nội dung vụ án: Chị M và anh K kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và

được Ủy ban nhân dân xã VT, huyện PL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh K thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau để cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng chị M và anh K lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị M xác định, trong cuộc sống vợ chồng anh K đã có người phụ nữ khác ở bên ngoài, chị đã từng bắt gặp anh K với người phụ nữ đó, cho nên trước đây chị đã từng nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh K nhưng vì sợ các con của chị sống thiếu đi tình thương của cha nên chị đã rút đơn khởi kiện lại đối với anh K, cũng để muốn tạo cơ hội cho anh K quay về chung sống với vợ con nhưng anh K vẫn không chịu thay đổi nên hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh K nữa nay chị cương quyết xin được ly hôn với anh NDK.

Anh NDK không đồng ý ly hôn mà yêu cầu xin được đoàn tụ với chị M. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù anh K xác định còn thương vợ con nên mong muốn được hàn gắn lại với chị M nhưng từ khi anh chị sống ly thân cho đến ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị thì cả chị M và anh K đều không có biện pháp cụ thể nào thể hiện ý chí của anh chị mong muốn được hàn gắn lại với nhau. Hơn nữa, tình cảm của vợ chồng phải được xuất phát từ hai phía nhưng nay chị M xác định chị không còn tình cảm gì với anh K nữa, chị M cương quyết xin được ly hôn với anh NDK. Từ đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị M và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị VTKM xin ly hôn với anh NDK là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung chị M và anh K thống nhất xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị chung sống với nhau có 02 người con chung tên NTV, sinh ngày 21/4/2010 và NNY, sinh ngày 27/6/2019. Từ lúc chị M và anh K sống ly thân với nhau đến nay thì chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu V và Y. Nay ly hôn chị M và anh K đều có nguyện vọng yêu cầu được nuôi con chung. Theo anh K xác định từ khi anh chị sống ly thân với nhau đến nay thì chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu V và Y. Và hiện tại chị M vẫn cho 02 cháu V và Y được đi học đàng hoàng và cả 02 cháu V và Y vẫn đang phát triển khỏe mạnh bình thường như bao đứa trẻ cùng trang lứa khác. Lý do để anh K yêu cầu được nuôi con là vì thu nhập của anh ổn định nên khi nuôi các con anh không yêu cầu chị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, 02 cháu V và Y sống cùng với chị M từ nhỏ cho đến nay, hiện tại cả 02 cháu V và Y đang phát triển ổn định, được chăm sóc và ăn học đầy đủ, điều này thể hiện chị M đã chăm lo, nuôi dưỡng, giáo dục cho 02 cháu V và Y rất chu đáo. Mặt khác, qua tiếp xúc với cháu V thì nguyện vọng của cháu mong muốn được sống cùng với chị M khi chị M và anh K ly hôn với nhau. Do đó, để đảm bảo cho cháu V và cháu Y phát triển ổn định, tránh làm ảnh hưởng đến tâm lý của con nhỏ và không cần thiết phải thay đổi môi trường sống và học tập của các cháu. Trên cơ sở cân nhắc các quyền lợi phát triển tốt nhất của con chưa thành niên nên căn cứ

khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao 02 người con chung tên NTV, sinh ngày 21/4/2010 và NNY, sinh ngày 27/6/2019 cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Anh NĐK có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này anh K chứng minh được việc chị M nuôi con nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì anh có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: Chị VTKM yêu cầu anh NĐK có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại các Điều 82, 83, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, điều này thể hiện trách nhiệm làm cha, mẹ đối với con chưa thành niên. Do đó, việc chị M yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ đó, cần buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng cho đến khi cháu V và cháu Y tròn đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp đúng quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị VTKM và anh NĐK không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị VTKM đối với anh NĐK. Cho chị VTKM được ly hôn với anh NĐK.

2/. Về con chung: Giao 02 người con chung tên NTV, sinh ngày 21/4/2010 và NNY, sinh ngày 27/6/2019 cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu V và cháu Y đang ở cùng với chị M nên được giữ nguyên.

Anh NĐK có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh NĐK có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng/người/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 20/6/2023 cho đến khi cháu NTV và cháu NNY tròn đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng cho 02 con NTV và NNY được thi hành ngay.

4/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị VTKM phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012546 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

Án phí cấp dưỡng: Buộc anh K phải nộp số tiền là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

6/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

7/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An